

Số: 07 /2020/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy định hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về tiêu chí kinh tế trang trại;

Xét Tờ trình số 178/TTr-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc đề nghị ban hành Quy định về hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; đảm bảo các nguồn lực, các điều kiện cần thiết. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Bãi bỏ Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định hỗ trợ vay vốn để phát triển kinh tế trang trại, kinh tế VAC trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 17/7/2020; có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020./. *NS*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP (b/c);
- Các Bộ: TNMT, NN&PTNT, KHĐT, TC (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT. *ly*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020

của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ trang trại, hộ nông dân.
2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, các tổ chức, cá nhân có liên quan khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo các mức tại Quy định này, phần còn lại có thể sử dụng từ ngân sách của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Khi phân bổ ngân sách, ưu tiên cho các chương trình phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng công nghệ cao, OCOP và các nội dung cấp thiết khác.

2. Mỗi dự án chỉ được lựa chọn hình thức hỗ trợ vay vốn tại Điều 4 hoặc hỗ trợ trang trại chăn nuôi tại Điều 7 Quy định này.

3. Những danh mục cần phải công bố trong Quy định này do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trường hợp phát sinh danh mục hỗ trợ mới theo yêu cầu thực tiễn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

4. Việc sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ cần đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ và hồ sơ thanh toán theo quy định này.

6. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của sở, ngành có liên quan.

7. Các đối tượng được thụ hưởng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ, đề nghị hỗ trợ và đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định khác của pháp luật.

8. Thủ trưởng cơ quan, người thẩm định hồ sơ hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thẩm định theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

9. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và trả lời kết quả không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

10. Các dự án trang trại do doanh nghiệp đầu tư, dự án có vốn đầu tư nước ngoài thì không được hưởng theo chính sách này. Các nội dung đã được hỗ trợ theo Nghị quyết 175/2015/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2015 về việc “Bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn theo Nghị quyết 128/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh” và Nghị quyết 147/2018/NQ-HĐND, ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc “Ban hành Quy định hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 147/2018/NQ-HĐND) và các chính sách hỗ trợ khác thì không được hưởng hỗ trợ nội dung tương ứng theo quy định tại Nghị quyết này.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay từ ngân hàng thương mại

1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ lãi suất với mức 4%/năm cho các trang trại vay vốn từ các ngân hàng thương mại, hạn mức được tính hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, thời gian được hỗ trợ tính từ ngày bắt đầu giải ngân và không quá 05 năm (60 tháng).

2. Phương thức và điều kiện hỗ trợ:

a) Hỗ trợ lãi suất được tính cho từng dự án và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa chủ trang trại với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

b) Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Ngân hàng thương mại.

c) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với ngân hàng thương mại, không hỗ trợ đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

d) Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.

e) Đảm bảo tiến độ thực hiện theo đề án, dự án đầu tư được duyệt.

3. Hồ sơ thanh toán

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của trang trại gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Biên bản nghiệm thu do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện chủ trì.

c) Khế ước vay vốn của Ngân hàng đối với chủ trang trại; chứng từ chi trả lãi suất tiền vay theo dự án, phương án hoặc chu kỳ sản xuất.

Điều 5. Hỗ trợ tập trung đất đai

1. Các hình thức được hỗ trợ

a) Thuê quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

b) Góp vốn bằng quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

c) Hình thức kết hợp thuê và góp vốn bằng quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 01 lần cho trang trại thực hiện tập trung đất nông nghiệp theo hình thức góp vốn, thuê bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp tập trung được hỗ trợ là 50 triệu đồng/ha.

Hỗ trợ 01 lần cho cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất cho trang trại để thực hiện tập trung đất đai với mức 50 triệu đồng/ha.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Quy mô trang trại phải đảm bảo về tiêu chí trang trại do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Thời gian thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có thời hạn tối thiểu là 05 năm, hoặc đã thuê, góp vốn trước thời điểm Nghị quyết ban hành tối đa 5 năm nhưng thời gian thuê, góp vốn còn lại vẫn phải đảm bảo tối thiểu từ 4 năm trở lên.

4. Hồ sơ thanh toán

Chủ trang trại lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho cả trang trại và hộ gia đình, cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo phương án sản xuất kinh doanh của chủ trang trại thuê ruộng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hợp đồng thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất (còn hiệu lực) kèm theo bảng kê diện tích thuê đất có ký nhận của chủ sử dụng đất có ruộng cho thuê, góp vốn, có bản đồ về khu đất thuê, góp vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cho thuê.

Điều 6. Hỗ trợ ngoài hàng rào

1. Mức hỗ trợ:

Hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy lợi ngoài hàng rào: Hỗ trợ như Điều 4 và Điều 7 của Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND ngày 6/12/2018 của Hội

đồng nhân dân tỉnh về việc “Ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 148/2018/NQ-HĐND).

Hệ thống điện ngoài hàng rào: Nhà nước hỗ trợ 70%, tối đa 200 triệu đồng; chủ trang trại đối ứng 30% cho chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Quản lý, sử dụng, phương thức cấp phát, thanh toán thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND.

Điều 7. Hỗ trợ trang trại chăn nuôi

1. Mức hỗ trợ: 50% chi phí, nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị phục vụ sản xuất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế trang trại do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hàng năm.

b) Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ.

c) Có quy mô chăn nuôi thường xuyên từ 30 đơn vị vật nuôi trở lên (đơn vị vật nuôi là đơn vị quy đổi của gia súc, gia cầm theo khối lượng sống, không phụ thuộc vào giống, tuổi và giới tính. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500 kg khối lượng vật nuôi sống).

d) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi. Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi.

e) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

f) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại (khoảng cách từ khu vực chăn nuôi trang trại đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 m; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 300 m. Khoảng cách giữa 2 trang trại chăn nuôi của 2 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 m).

g) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan thú y.

3. Thủ tục xin hỗ trợ, hồ sơ và nghiệm thu: Thực hiện như quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 của Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Quản lý, Sử dụng, nguồn vốn, hỗ trợ, phương thức cấp phát, thanh toán và báo cáo

1. Đối với hỗ trợ tập trung đất đai, hỗ trợ trang trại chăn nuôi và lãi suất: Ngân sách tỉnh bổ sung thêm hàng năm vào chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 147/2018/NQ-HĐND.

2. Đối với hỗ trợ ngoài hàng rào: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 148/2018/NQ-HĐND.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ cho các dự án.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh ngoài phạm vi nghị quyết đã ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân để xem xét.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thẩm định, nghiệm thu các hạng mục hỗ trợ; nghiệm thu hoàn thành dự án theo quy định của pháp luật.

b) Ban hành danh mục các dự án phát triển kinh tế trang trại được hỗ trợ hàng năm và ban hành định mức đối với các nội dung trong hỗ trợ trang trại chăn nuôi.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung và mức hỗ trợ các dự án.

d) Chủ trì, cùng với các sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách hỗ trợ ngoài hàng rào trang trại.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thủ tục hồ sơ thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ theo Quy định này.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh giải ngân khoản hỗ trợ cho trang trại trong vòng 05 ngày làm việc theo Quy định này.

5. Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổng hợp, đề xuất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các dự án thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế trang trại được hỗ trợ hàng năm.

b) Phê duyệt các dự án hỗ trợ trang trại chăn nuôi, hỗ trợ ngoài hàng rào thuộc địa bàn quản lý.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại định kỳ hàng năm (trước ngày 25 tháng 12) hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

d) Tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện các dự án thuộc danh mục dự án phát triển kinh tế trang trại được hỗ trợ hàng năm.

b) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả kinh phí hỗ trợ trên địa bàn. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong việc tiếp nhận và sử dụng kinh phí hỗ trợ, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

8. Đối với các chủ trang trại được hỗ trợ

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ đúng mục đích. Nếu sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích, đúng đối tượng sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các quy định của ngân hàng thương mại cho vay về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định.

d) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Đối với hộ nông dân, cá nhân có đất cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để phát triển kinh tế trang trại

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương và các chủ trang trại phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

